

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM ĐỀ CHÍNH THỨC  
MÔN THI: VĂN, KHỐI D

**Câu 1:**

**Anh, chị hãy nêu hoàn cảnh sáng tác và giới thiệu vắn tắt nội dung tập thơ *Nhật kí trong tù* (Ngục trung nhật kí) của Chủ tịch Hồ Chí Minh (khoảng 30 dòng).**

**A. Yêu cầu:**

- Nêu hoàn cảnh sáng tác và giới thiệu ngắn gọn nội dung tập thơ *Nhật kí trong tù*

- Dẫn đạt gãy gọn, văn phong trong sáng.

**B. Ý chính cần có:**

**Ý 1: Hoàn cảnh sáng tác:**

Tháng 8 năm 1942, với danh nghĩa là đại biểu của Việt Nam độc lập đồng minh và Phân bộ quốc tế phản xâm lược của Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh lên đường sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ của thế giới. Sau nửa tháng đi bộ, đến Túc Vinh, Quảng Tây, Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam vô cớ. Trong suốt 13 tháng ở tù (từ mùa thu 1942 đến mùa thu 1943), tuy bị đầy ải vô cùng cực khổ, Hồ Chí Minh vẫn làm thơ. Người đã sáng tác 133 bài thơ bằng chữ Hán ghi trong một cuốn sổ tay mà Người đặt tên là *Ngục trung nhật kí* (tức *Nhật kí trong tù*). Như vậy, *Nhật kí trong tù* là tập nhật kí bằng thơ được viết ở trong tù.

**Ý 2: Nội dung tập thơ *Nhật kí trong tù*:**

a. Tập thơ phản ánh chân thực bộ mặt xấu xa, đen tối của chế độ nhà tù cũng như của xã hội Trung Quốc thời Tưởng Giới Thạch.

b. Tập thơ thể hiện tâm hồn phong phú, cao đẹp của người tù vĩ đại. Về phương diện này, có thể xem *Nhật kí trong tù* như một bức chân dung tự hoạ con người tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Chân dung Bác Hồ trong tập thơ là hình ảnh nhà ái quốc vĩ đại, lúc nào cũng nóng lòng sốt ruột hướng về Tổ quốc, khát khao tự do, là chiến sĩ cộng sản kiên cường bất khuất. Bị đầy đọa trong lao tù, Người vẫn ung dung, tự tại, tràn trề tinh thần lạc quan.

- Chân dung Bác Hồ còn là hình ảnh bậc đại nhân có tình thương yêu bao la, thấu hiểu cảnh ngộ của mọi kiếp người, nhạy cảm với niềm vui, nỗi đau của con người.

- Tâm hồn Bác nhạy cảm với mọi biến thái của thiên nhiên. Tập *Nhật kí...* bộc lộ cốt cách của một thi nhân, một nghệ sĩ lớn.

### C. Thang điểm:

Dại học	Cao đẳng
Ý 1: 0,5 điểm	Ý 1: 1,0 điểm
Ý 2: 1,5 điểm	Ý 2: 2,0 điểm
trong đó: a: 0,5 điểm b: 1,0 điểm	trong đó: a: 0,5 điểm b: 1,5 điểm

#### Câu 2:

### **Phân tích vẻ đẹp của hình tượng nhân vật Huấn Cao trong truyện Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân.**

#### A. Yêu cầu:

- Làm nổi rõ vẻ đẹp của hình tượng Huấn Cao, nghệ thuật xây dựng nhân vật và ý nghĩa tư tưởng của hình tượng ấy.
- Biết cách phân tích một nhân vật văn học. Bố cục mạch lạc, kết cấu chặt chẽ, văn phong trong sáng.

#### B. Ý chính cần có:

Ý 1: Giới thiệu đôi nét về tác phẩm và hình tượng:

- *Chữ người tử tù* là truyện ngắn rút từ tập *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân(1940).
- Đây là truyện ngắn có nội dung tư tưởng sâu sắc và có nhiều thành công về phương diện nghệ thuật. Giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm bộc lộ tập trung trong hình tượng nhân vật Huấn Cao.

Ý 2: *Vẻ đẹp của Huấn Cao trước hết là vẻ đẹp của con người nghệ sĩ tài hoa.*

- Huấn Cao có tài viết chữ . Chữ Huấn Cao viết là chữ Hán, loại văn tự giàu tính tạo hình. Các nhà nho thuở xưa viết chữ để bộc lộ cái tâm, cái chí. Viết chữ thành một môn nghệ thuật được gọi là thư pháp. Có người viết chữ, thì có người chơi chữ. Người ta treo chữ đẹp ở những nơi trang trọng trong nhà, xem đó như một thú chơi tao nhã.

- Huấn Cao là nghệ sĩ trong nghệ thuật thư pháp. “Tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp” của ông nổi tiếng khắp một vùng tỉnh Sơn. Ngay cả viên quản ngục của một huyện nhỏ vô danh cũng biết “chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm (...). Có được chữ ông Huấn Cao mà treo là có một vật báu trên đời”. Cho nên, “sở nguyện của viên quan coi ngục này là có một ngày kia treo ở nhà riêng mình một câu đối do tay ông Huấn Cao viết”. Để có được chữ ông Huấn Cao, viên quản ngục không những phải dụng công, phải nhẫn nhục, mà còn phải liều mạng. Bởi vì, biệt đãi Huấn Cao, một kẻ tử tù, là việc làm nguy hiểm, có khi phải trả giá bằng tính mạng của mình

Ý 3: *Huấn Cao mang vẻ đẹp của khí phách hiên ngang, bất khuất.*

- Huấn Cao dám chống lại triều đình mà ông căm ghét, khinh bỉ.

- Dù chí lớn không thành, tư thế của Huấn Cao bao giờ cũng hiên ngang, bất khuất. Bị dẫn vào huyện ngục, ông không chút run sợ trước những kẻ đang nắm giữ vận mệnh của mình (thái độ của Huấn Cao đối với quản ngục, chi tiết nói về việc Huấn Cao thúc gông xuống nền nhà có thể xem là những dẫn chứng cho ý này).

- Là tử tù chỉ đợi ngày ra pháp trường, vậy mà Huấn Cao vẫn giữ phong thái ung dung, đường hoàng.

*Ý 4: Huấn Cao là người có “thiên lương” trong sáng, cao đẹp.*

- Trong truyện *Chữ người tử tù*, khái niệm “thiên lương” được Nguyễn Tuân sử dụng với nhiều ý nghĩa khác nhau. Với quản ngục và thơ lại, thì “thiên lương” là tấm lòng yêu quý cái tài, cái đẹp rất chân thành của họ. Với Huấn Cao, thì “thiên lương” lại là ý thức của ông trong việc sử dụng cái tài của mình.

- Huấn Cao có tài viết chữ, nhưng không phải ai ông cũng cho chữ. Ông không bao giờ ép mình cho chữ vì vàng ngọc, hay quyền thế. Ông chỉ trân trọng những ai biết yêu quý cái đẹp, cái tài.. Cho nên, suốt đời, Huấn Cao chỉ viết hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân. Ông tỏ thái độ khinh bạc vì tưởng quản ngục có âm mưu đen tối gì, khi thấy viên quan ấy biệt đãi mình. Rồi ông “cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài” của quản ngục và thơ lại, khi biết họ thành tâm xin chữ. Ông quyết không phụ tấm lòng của họ, nên mới diễn ra cảnh cho chữ trong tù, được tác giả gọi là “một cảnh tượng xưa nay chưa từng có”.

*Ý 5: Sự thống nhất của cái tài, cái tâm và khí phách anh hùng ở hình tượng Huấn Cao.*

- Trong cảnh cho chữ ở cuối tác phẩm, Nguyễn Tuân đã để cho vẻ đẹp của cái tâm, của “thiên lương” chiếu rọi, làm cho vẻ đẹp của cái tài, của khí phách anh hùng bừng sáng, tạo nên nhân cách chói lọi của Huấn Cao. Sự thống nhất của cái tài, cái tâm và khí phách anh hùng là lí tưởng thẩm mỹ của Nguyễn Tuân, là chuẩn mực để ông đánh giá nhân cách của con người. Nguyễn Tuân đặt nhân vật truyện dưới ánh sáng của lí tưởng ấy để các hình tượng bộc lộ vẻ đẹp với những mức độ khác nhau. Trên cái nền đen tối của nhà tù, quản ngục và thơ lại là hai điểm sáng, bên cạnh cái vầng sáng rực rỡ Huấn Cao. Cũng chính lí tưởng thẩm mỹ ấy đã chi phối mạch vận động của truyện, tạo thành cuộc đối ngôi kì diệu: kẻ tử tù trở thành người làm chủ tình huống, ban phát cái đẹp, dạy dỗ cách sống, quan coi ngục thì khúm núm, sợ hãi. Hình tượng Huấn Cao vì thế trở thành biểu tượng cho sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái đẹp, cái cao cả đối với cái phàm tục, dơ bẩn, của khí phách ngang tàng đối với thói quen nô lệ.

*Ý 6: Nghệ thuật xây dựng nhân vật Huấn Cao:*

- Để làm nổi bật vẻ đẹp của Huấn Cao, Nguyễn Tuân đã đặt nhân vật vào một tình huống truyện độc đáo: cuộc gặp gỡ giữa Huấn Cao với quản ngục và thơ lại. Đó là cuộc gặp gỡ của tử tù với quan coi ngục, nhưng cũng là cuộc hội ngộ của những kẻ “liên tài tri kỉ”.

- Miêu tả Huấn Cao, để làm nổi bật sự chiến thắng của cái tài, cái đẹp, cái tâm và khí phách ngang tàng, Nguyễn Tuân triệt để sử dụng sức mạnh của nguyên tắc tương phản, đối lập của bút pháp lãng mạn: đối lập giữa ánh sáng và bóng tối, giữa cái đẹp, cái cao cả với cái phàm tục, dơ bẩn. Có sự tương phản ở

những chi tiết tạo hình được sử dụng để miêu tả không khí của cảnh cho chữ (bóng tối phòng giam, ánh sáng đỏ rực của bó đuốc, tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ...). Có sự đối lập tương phản giữa việc cho chữ (công việc tạo ra cái đẹp “nói lên hoài bão tung hoành của một đời con người”) với hoàn cảnh cho chữ (nơi hôi hám, bẩn thỉu, nơi giam cầm cùm trói tự do). Có sự đối lập ở phong thái của người cho chữ (đường hoàng) với tư thế của kẻ nhận chữ (khúm núm)...

- Ngôn ngữ miêu tả nhân vật của Nguyễn Tuân giàu chất tạo hình. Ông sử dụng nhiều từ Hán-Việt, lời ăn tiếng nói mang khẩu khí của người xưa làm tăng thêm vẻ đẹp của một “thời vang bóng” ở hình tượng Huấn Cao.

*Ý 7: Kết luận:*

- Nhân vật Huấn Cao thể hiện tài năng nghệ thuật của Nguyễn Tuân. Đó là biểu tượng cho sự chiến thắng của cái tài, cái đẹp, cái tâm trước cái phàm tục, dơ bẩn, của khí phách ngang tàng đối với thói quen nô lệ. Đây là lí tưởng thẩm mỹ của nhà văn, là ý nghĩa tư tưởng của hình tượng.

- Hình tượng Huấn Cao được xây dựng trên cơ sở nguyên mẫu: Cao Bá Quát, một nhà nho có tài văn thơ, viết chữ đẹp nổi tiếng một thời và cũng là người từng tham gia lãnh đạo khởi nghĩa nông dân chống lại triều đình nhà Nguyễn. Xây dựng nhân vật Huấn Cao, Nguyễn Tuân bộc lộ tình cảm yêu nước và tinh thần dân tộc thâm kín của mình.

### *C. Thang điểm*

<i>Đại học</i>		<i>Cao đẳng</i>	
Ý 1:	0,5 điểm	Ý 1	0,75 điểm
Ý 2:	0,75 điểm	Ý 2:	1,0 điểm
Ý 3:	0,75 điểm	Ý 3:	1,0 điểm
Ý 4:	0,75 điểm	Ý 4:	1,0 điểm
Ý 5:	1,0 điểm	Ý 5:	1,5 điểm
Ý 6:	0,75 điểm	Ý 6:	1,0 điểm
Ý 7:	0,5 điểm	Ý 7:	0,75 điểm

### *Câu 3:*

**Bình giảng đoạn thơ sau đây trong bài *Đây mùa thu tới của Xuân Diệu*:**

*Hơn một loài hoa đã rụng cành,  
Trong vườn sắc đỏ rủa màu xanh;  
Những luồng run rẩy rung rinh lá...  
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.*

#### *A. Yêu cầu:*

- Có thể bình giảng theo trật tự từng câu thơ, cũng có thể bỏ dọc để bình giảng theo những ý lớn của khổ thơ. Dù bình giảng theo cách nào thì thí sinh vẫn phải làm nổi bật nội dung cảm xúc trữ tình, cách cảm nhận thiên nhiên tinh tế, mới mẻ của Xuân Diệu và những nét đặc sắc về phương diện nghệ thuật của đoạn thơ.

- Năm vững kĩ năng bình giảng một đoạn thơ, diễn đạt mạch lạc, văn viết trong sáng.

B. Ý chính cần có:

Ý 1: Giới thiệu bài thơ và vị trí của đoạn thơ phải bình giảng:

- *Đây mùa thu tới* được rút từ tập *Thơ thơ*, xuất bản năm 1938, tập thơ đầu tay của Xuân Diệu.

- Bài thơ bộc lộ cảm xúc trữ tình của Xuân Diệu qua một bức tranh miêu tả bước đi của trời đất ở thời điểm chuyển mùa từ nóng qua lạnh, từ hạ sang thu. Đây là một trong những tác phẩm thể hiện đầy đủ nhất cách cảm nhận thiên nhiên tinh tế, mới mẻ và nghệ thuật thơ đầy tính cách tân của một tác giả được gọi là “nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới”.

- Bài thơ gồm 4 khổ. Đoạn thơ phải bình giảng là khổ thứ hai, có vị trí đặc biệt trong mạch vận động của thi tứ.

Ý 2: Tâm trạng trữ tình và cách cảm nhận thiên nhiên tinh tế của Xuân Diệu

a. So với khổ thơ mở đầu, ở khổ thơ thứ hai, cảnh thu được mở rộng. Nhưng bước đi của thiên nhiên vẫn được cảm nhận chủ yếu ở phía cận cảnh. Trong vườn, hoa rụng, rồi cây cối đổi sắc, những luồng gió lạnh tràn về, lá “run rẩy rung rinh”, tất cả như đang chia lìa, rời bỏ nhau, để cuối cùng chỉ còn trơ lại “đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh”. Cảnh mở ra trong không gian mà nói được bước đi của thời gian. Chi tiết nào cũng gợi buồn. Tất cả hợp lại thành một bức tranh thiên nhiên thấm đẫm tâm trạng của cái tôi nhạy cảm với sự sống, khát khao giao cảm với đời.

b. Hai câu trước của khổ thơ nói về những thay đổi của thiên nhiên được cảm nhận chủ yếu qua cái nhìn thị giác. Bằng mắt thường, có thể nhìn thấy hoa rụng. Cũng có thể quan sát bằng mắt thường cảnh “trong vườn sắc đỏ rửa màu xanh”. Chữ “rửa” có bản viết là “rũa”. Viết là “rửa”, câu thơ làm nổi bật sự tương phản, xung đột giữa “sắc đỏ” và “màu xanh”. Có người nói, Xuân Diệu đã mượn cách diễn đạt của văn chương Pháp. Chữ “rũa” lại có nghĩa là bào mòn, mài mòn dần. “Sắc đỏ” đang bào mòn, mài mòn dần “màu xanh”. Viết như thế, câu thơ gợi tả được sự thay đổi, sự ngả màu, có cả cái gì như là sự tan rã đang diễn ra âm thầm, mà dữ dội trong thiên nhiên. Dù viết thế nào thì ý thơ vẫn nói về sự đổi thay. Cảnh tàn mà vẫn tươi, vẫn trong sáng, vì “sắc đỏ” là màu rực rỡ, thuộc gam nóng.

c. Ở hai câu sau, sự thay đổi của thiên nhiên được diễn tả bằng một chi tiết tạo hình độc đáo giống như bức tranh vẽ bằng mực nước theo kiểu hội họa phương Đông. Trên cái nền tương phản, xung đột giữa “sắc đỏ” và “màu xanh”, nổi lên vài nhánh cây khô gầy guộc, mỏng manh, với mấy chiếc lá còn sót lại đang run rẩy trước gió, chuẩn bị lìa cành. Đang có hai cách hiểu khác nhau về câu thơ thứ ba. Cách hiểu thứ nhất: *những luồng gió làm lá “run rẩy rung rinh”*. Vẫn là hình ảnh có thể nhìn thấy bằng mắt thường, nhưng cái nhìn thị giác đang chuyển dần vào cái nhìn nội tâm. Bởi vì, lá “run rẩy rung rinh” là hình ảnh nhân hoá, làm nổi bật cái lạnh được cảm nhận bằng xúc giác. Cách hiểu thứ hai: *có “những luồng run rẩy”, luồng sống đang “rung rinh” trong gân lá, cuống lá*. Sự vận động này không nhìn thấy bằng mắt thường, mà chỉ có thể cảm nhận bằng da thịt. Hiểu theo cách nào, thì trước mắt ta vẫn là một hình ảnh thiên nhiên

nói lên hồn thơ rất riêng của Xuân Diệu. Nhìn vào đâu, Xuân Diệu cũng thấy có một sự sống đang phập phồng, run rẩy. Sự sống ấy được nhà thơ cảm nhận tinh tế bằng tất cả các giác quan, trong đó có cả xúc giác. Hai câu thơ, 14 tiếng, mà đã có tới 10 tiếng diễn tả ấn tượng của xúc giác. Ở câu trên, thì đó là 4 tiếng lấy phụ âm “run rẩy rung rinh”. 6 tiếng của câu dưới nếu tách riêng, tiếng nào cũng có khả năng gợi tả cái gây để tăng cường ấn tượng về cái lạnh được cảm nhận bằng da thịt: *nhánh - khô - gầy - xương - mỏng manh*.

Ý 3: *Tổ chức lời thơ của Xuân Diệu hết sức mới mẻ*. Xuân Diệu đưa vào thơ lối nói rất “Tây”: “Hơn một loài hoa...”. Tổ chức lời thơ của ông thường có khuynh hướng xoá nhoà ý nghĩa biểu vật cụ thể, để diễn tả cái mong manh, mơ hồ và làm tăng ý nghĩa biểu cảm: “Những luồng run rẩy rung rinh lá”. Xuân Diệu sử dụng thành công kĩ thuật lấy phụ âm mà ông học được ở thơ ca Pháp: “run rẩy rung rinh”.

Ý 4: *Kết luận*: Có thể khẳng định, khổ thơ bình giảng là khổ thơ đặc sắc nhất của tác phẩm.

### *C. Thang điểm*

- Ý 1: 0,25 điểm  
Ý 2: 2,0 điểm (trong đó, các ý: a: 0,5; b: 0,75; c: 0,75)  
Ý 3: 0,5 điểm  
Ý 4: 0,25 điểm
-